

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-39

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Anh Chung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên
Bà Hoàng Thị Mai Phương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế

Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 25 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

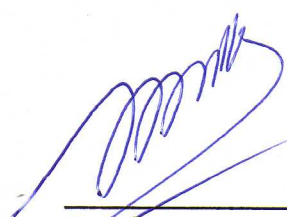
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.210.375.982.295	1.095.412.370.371
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	47.864.041.391	11.152.904.699
111	1. Tiền		47.864.041.391	11.152.904.699
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		704.374.488.107	672.232.407.293
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	721.410.830.230	559.298.167.131
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.031.739.648	123.465.428.449
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	9.041.050.427	22.817.943.911
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.109.132.198)	(33.349.132.198)
140	IV. Hàng tồn kho	10	448.445.947.246	403.748.137.238
141	1. Hàng tồn kho		448.445.947.246	403.748.137.238
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.691.505.551	8.278.921.141
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	5.234.570.449	1.156.747.606
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.456.935.102	7.122.173.535
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		420.947.072.464	424.915.514.203
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		104.000.000.000	104.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	104.000.000.000	104.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		163.266.084.708	175.214.358.773
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	148.463.710.745	160.237.791.010
222	- Nguyên giá		393.073.422.698	388.948.422.698
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(244.609.711.953)	(228.710.631.688)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	14.802.373.963	14.976.567.763
228	- Nguyên giá		18.322.489.829	18.322.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.520.115.866)	(3.345.922.066)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		27.556.863.675	33.464.848.723
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	27.556.863.675	33.464.848.723
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	102.758.971.405	100.861.312.722
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		102.758.971.405	100.861.312.722
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.365.152.676	11.374.993.985
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	23.365.152.676	11.374.993.985
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.631.323.054.759	1.520.327.884.574

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

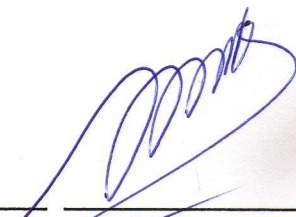
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.022.400.704.852	936.628.763.055
310	I. Nợ ngắn hạn		992.209.312.302	906.634.948.505
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	380.859.071.842	340.936.280.225
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		660.552.414	498.882.985
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.851.110.228	6.077.293.793
314	4. Phải trả người lao động		5.301.466.581	9.324.428.351
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	10.215.744.621	3.724.169.303
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.542.462.269	858.006.186
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	727.144.096	2.320.070.962
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	572.288.381.310	523.785.935.258
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.763.378.941	19.109.881.442
330	II. Nợ dài hạn		30.191.392.550	29.993.814.550
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	21.211.488.700	20.613.910.700
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	8.979.903.850	9.379.903.850
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		608.922.349.907	583.699.121.519
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	608.922.349.907	583.699.121.519
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		30.404.972.177	30.404.972.177
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.560.759.181	1.560.759.181
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		131.046.211.687	105.826.900.530
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		105.826.900.530	43.398.217.855
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		25.219.311.157	62.428.682.675
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		77.920.163	74.002.932
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.631.323.054.759	1.520.327.884.574



Nguyễn Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.977.278.484.126	2.216.081.359.965
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	15.345.958.897	13.695.786.060
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.961.932.525.229	2.202.385.573.905
11	4. Giá vốn hàng bán	23	2.870.009.941.486	2.071.525.379.872
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		91.922.583.743	130.860.194.033
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	5.348.067.787	7.018.417.085
22	7. Chi phí tài chính	25	24.145.622.320	14.189.874.401
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		24.131.756.076	14.185.283.174
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.897.658.683	4.386.144.791
25	9. Chi phí bán hàng	26	30.197.083.703	52.289.020.694
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	14.690.858.193	14.760.127.632
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.134.745.997	61.025.733.182
31	12. Thu nhập khác	28	176.404.249	22.349.778
32	13. Chi phí khác	29	252.212.927	1.598.164.765
40	14. Lợi nhuận khác		(75.808.678)	(1.575.814.987)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.058.937.319	59.449.918.195
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	4.835.708.931	9.922.075.901
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.223.228.388	49.527.842.294
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		25.219.311.157	49.521.245.713
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		3.917.231	6.596.581
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	671	1.317

TRÁCH
HÀM
HOÀN


Nguyễn Thị Thúy


Người lập

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 07 năm 2017


Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.058.937.319	59.449.918.195
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.073.274.065	32.997.005.240
03	- Các khoản dự phòng		(240.000.000)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(322.813)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.177.790.828)	(10.549.245.168)
06	- Chi phí lãi vay		24.131.756.076	14.185.283.174
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		62.845.853.819	96.082.961.441
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(29.396.286.825)	(107.440.319.494)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(44.697.810.008)	(235.091.969.245)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		41.736.885.699	92.690.637.334
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(9.441.242.486)	5.196.794.859
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23.874.512.795)	(13.783.891.015)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.812.357.665)	(9.206.337.139)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.346.502.501)	(1.065.920.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.985.972.762)	(172.618.043.259)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.843.754.000)	(22.863.412.108)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		18.181.818	2.676.348.099
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	10.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.421.394.771	7.263.688.196
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		595.822.589	(2.923.375.813)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.328.589.192.685	1.915.614.071.273
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.280.486.746.633)	(1.722.144.744.443)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.482.000)	(5.184.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		48.100.964.052	193.464.142.830

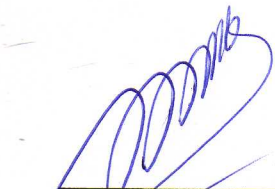
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017


(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		36.710.813.879	17.922.723.758
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		11.152.904.699	25.502.815.111
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		322.813	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>47.864.041.391</u>	<u>43.425.538.869</u>




Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 07 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.007.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.



2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là: tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tặng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

11105
CÔNG TY
HỮU HẠN
KẾ TOÁN
SC
TP. HÀ

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m² đất tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau: Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC. Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11
CÔ
HN
NG
P
DAN
S
T
T
P
T

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ , Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	224.759.311	153.110.791
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.639.282.080	10.999.793.908
	<u><u>47.864.041.391</u></u>	<u><u>11.152.904.699</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2017			01/01/2017				
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ
				VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	93.104.607.760	Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	91.265.747.430
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.654.363.645	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.595.565.292
				102.758.971.405				100.861.312.722

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 36.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	32.031.674.317	31.222.004.602
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	133.566.617.648	123.483.056.043
- Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu và Thương mại tổng hợp Miền Bắc	228.156.661.562	204.337.959.560
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận Tải Việt Đức	151.256.792.698	63.514.915.420
- Các khoản phải thu khách hàng khác	176.399.084.005	136.740.231.506
	721.410.830.230	559.298.167.131

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.

2.268.276.723	2.775.606.572
----------------------	----------------------

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ Phần Thương mại Hiệp Hương	-	-	31.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	-	-	62.155.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	-	-	21.829.500.000	-
- Công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam	2.202.000.000	-	1.218.761.350	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn điện Pacific	1.550.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	3.279.739.648	-	7.262.167.099	-
	7.031.739.648	-	123.465.428.449	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	104.000.000.000	104.000.000.000
	104.000.000.000	104.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	866.666.667	-	1.026.111.111	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	2.691.900	-	-	-
Tạm ứng	3.428.849.441	-	822.329.488	-
Ký cược, ký quỹ	4.462.000.000	-	20.422.200.000	-
Phải thu khác	280.842.419	-	547.303.312	-
	9.041.050.427	-	22.817.943.911	-

9 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Trường Quang	9.626.128.448	-	9.866.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
	33.109.132.198	-	33.349.132.198	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	25.534.917.784	-
Nguyên liệu, vật liệu	268.687.130.040	-	237.141.022.280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.459.125.097	-	8.246.946.439	-
Thành phẩm	153.479.730.109	-	105.985.687.546	-
Hàng hoá	3.148.932	-	26.839.563.189	-
Hàng gửi đi bán	7.816.813.068	-	-	-
	448.445.947.246	-	403.748.137.238	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	27.556.863.675	26.838.109.675
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh (1)	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh (2)	18.856.654.663	18.250.076.663
- Chi phí quyền sử dụng đất Miền Nam	125.663.558	13.487.558
Mua sắm tài sản cố định	-	6.626.739.048
- Lắp đặt dây truyền máy móc thiết bị	-	6.626.739.048
	27.556.863.675	33.464.848.723

(1) Chi phí đang tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 có chức năng xây dựng công trình công cộng tại Khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng kinh tế số 16/HUD-SGDBĐS ngày 29/01/2010. Tuy nhiên, theo Công văn phúc đáp mới nhất của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD), hiện tại lô đất CC4 thuộc giai đoạn 2 dự án Khu đô thị mới Vân Canh phải tạm dừng triển khai chờ điều chỉnh quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch phân khu đô thị S2.

(2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty và Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, Công ty tạm dừng đầu tư trong thời gian chờ phê duyệt dự án của Thủ tướng chính phủ theo quy định về thay đổi thẩm quyền phê duyệt dự án. Ngày 23/11/2015, theo Công văn số 2124/TTg-KTN, Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất, dự án có đầy đủ cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện đầu tư. Hiện nay, Công ty đang trong quá trình kêu gọi các nhà đầu tư góp vốn tiếp tục thực hiện dự án. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 18.

1170
ĐANG T
HIỆM H
KIỂM
AS
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	129.881.524.772	235.264.719.532	22.203.603.676	1.598.574.718	388.948.422.698
- Mua trong kỳ	-	-	4.125.000.000	-	4.125.000.000
Số dư cuối kỳ	129.881.524.772	235.264.719.532	26.328.603.676	1.598.574.718	393.073.422.698
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	46.390.958.735	167.658.304.923	13.081.840.812	1.579.527.218	228.710.631.688
- Khấu hao trong kỳ	3.272.310.582	11.136.534.752	1.484.219.931	6.015.000	15.899.080.265
Số dư cuối kỳ	49.663.269.317	178.794.839.675	14.566.060.743	1.585.542.218	244.609.711.953
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	83.490.566.037	67.606.414.609	9.121.762.864	19.047.500	160.237.791.010
Tại ngày cuối kỳ	80.218.255.455	56.469.879.857	11.762.542.933	13.032.500	148.463.710.745
<i>Trong đó:</i>					
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			68.160.545.348	VND	



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
Số dư cuối kỳ	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.242.497.066	103.425.000	3.345.922.066
- Khấu hao trong kỳ	174.193.800	-	174.193.800
Số dư cuối kỳ	3.416.690.866	103.425.000	3.520.115.866
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.976.567.763	-	14.976.567.763
Tại ngày cuối kỳ	14.802.373.963	-	14.802.373.963

- Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.823.000 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	524.571.494
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.154.610.904	632.176.112
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.079.959.545	-
	5.234.570.449	1.156.747.606
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.146.850.059	6.235.082.357
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	900.000.000	2.520.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.436.007.619	2.386.103.611
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.882.294.998	233.808.017
	23.365.152.676	11.374.993.985

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần XNK và Thương mại Tổng hợp Miền Bắc	30.094.601.746	30.094.601.746	67.809.748.960	67.809.748.960
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	152.510.660.318	152.510.660.318	65.372.867.565	65.372.867.565
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Nam Châm	70.344.279.778	70.344.279.778	33.446.609.757	33.446.609.757
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hiệp Linh	20.207.843.040	20.207.843.040	-	-
- Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	29.232.548.400	29.232.548.400	-	-
Phải trả các đối tượng khác	78.469.138.560	78.469.138.560	174.307.053.943	174.307.053.943
	<u>380.859.071.842</u>	<u>380.859.071.842</u>	<u>340.936.280.225</u>	<u>340.936.280.225</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>99.268.903</u>	<u>99.268.903</u>	<u>4.939.587.344</u>	<u>4.939.587.344</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)



CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	258.861.256	35.486.575.429	35.745.436.685	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	166.131.630	166.131.630	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.732.357.665	4.835.708.931	7.812.357.665	-	2.755.708.931
Thuế Thu nhập cá nhân	-	86.074.872	333.270.838	323.944.413	-	95.401.297
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	422.058.880	422.058.880	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	6.077.293.793	41.247.745.708	44.473.929.273	-	2.851.110.228

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	424.920.681	167.677.400
- Trích trước chi phí điện, nước	2.085.197.141	-
- Chi phí phải trả khác	7.705.626.799	3.556.491.903
	<u>10.215.744.621</u>	<u>3.724.169.303</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	498.384.975	438.329.887
- Bảo hiểm y tế	-	12.438.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	208.195.823	209.677.823
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.563.298	1.659.624.552
	<u>727.144.096</u>	<u>2.320.070.962</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.136.910.700	2.145.910.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	19.074.578.000	18.468.000.000
	<u>21.211.488.700</u>	<u>20.613.910.700</u>

(*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	515.785.935.258	515.785.935.258	2.328.589.192.685	2.276.486.746.633	567.888.381.310	567.888.381.310
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (1)	295.093.339.286	295.093.339.286	1.351.667.973.112	1.234.700.000.000	412.061.312.398	412.061.312.398
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên (2)	97.839.101.282	97.839.101.282	433.002.105.446	489.441.206.728	41.400.000.000	41.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (3)	69.853.494.690	69.853.494.690	234.573.574.222	274.200.000.000	30.227.068.912	30.227.068.912
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	53.000.000.000	53.000.000.000	218.300.000.000	227.700.000.000	43.600.000.000	43.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc (5)	-	-	91.045.539.905	50.445.539.905	40.600.000.000	40.600.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.000.000.000	8.000.000.000	400.000.000	4.000.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (1)	8.000.000.000	8.000.000.000	400.000.000	4.000.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
	523.785.935.258	523.785.935.258	2.328.989.192.685	2.280.486.746.633	572.288.381.310	572.288.381.310
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (1)	17.379.903.850	17.379.903.850	-	4.000.000.000	13.379.903.850	13.379.903.850
	17.379.903.850	17.379.903.850	-	4.000.000.000	13.379.903.850	13.379.903.850
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(400.000.000)	(4.000.000.000)	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	9.379.903.850	9.379.903.850			8.979.903.850	8.979.903.850



Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2017 (VND)	Mục đích vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên			412.061.312.398	
	Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1509578/HĐTD ngày 30/06/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2017 là 7%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	220.449.877.454	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh
	Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1853346/HĐTD ngày 30/06/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2017 là 7%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	191.611.434.944	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên			41.400.000.000	
	Hợp đồng tín dụng số 16.071.0002/2016-HĐTDHM/NHCT262-VG PIPE ngày 14/07/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2017 từ 5,8%/năm đến 6,9%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 10/07/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng	17.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động
	Hợp đồng tín dụng số 16.071.0050/2016 ngày 27 tháng 12 năm 2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2017 từ 6,5%/năm đến 6,9%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/11/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng	23.900.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc			30.227.068.912	
	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01816022/HĐTD ngày 19/07/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2017 từ 6,5%/năm đến 7,3%/năm	Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	30.227.068.912	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2017 (VND)	Mục đích vay
4	Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Vĩnh Phúc			43.600.000.000	
	Hợp đồng tín dụng số 390.86/2016/HĐTD-LPBVP ngày 26/05/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2017 là 7,2%/năm;	Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	43.600.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc			40.600.000.000	
	Hợp đồng tín dụng số HĐHM/VPB-OTVD ngày 27/02/2017	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2017 là 7%/năm;	Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	40.600.000.000	Thanh toán tiền nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa cho nhà cung cấp, thanh toán lương công nhân, Phát hành các loại bảo lãnh (trừ bảo lãnh vay vốn), phát hành
	Tổng cộng			567.888.381.310	

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên			13.379.903.850	4.400.000.000	
	Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HD ngày 25/11/2013	Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất tại từng thời điểm được quy định trong giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm 30/06/2017 là 9,5%/năm	72 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên trong đó ân hạn 09 tháng	10.577.792.000	4.400.000.000	Tiền vay được sử dụng cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng"
	Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1853346/HĐTD ngày 10/02/2015	Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất tại từng thời điểm được quy định trong giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm 30/06/2017 là 10,5%/năm	72 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên	2.802.111.850		Đầu tư cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cán nguội mạ kẽm nhúng nóng (giai đoạn II)"

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	23.960.752.124	372.666.308	77.123.310.753	61.371.550	529.335.723.942
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	49.521.245.713	6.596.581	49.527.842.294
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(36.003.310.000)	-	(36.003.310.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>375.997.100.000</u>	<u>67.810.722.053</u>	<u>(15.990.198.846)</u>	<u>23.960.752.124</u>	<u>372.666.308</u>	<u>90.641.246.466</u>	<u>67.968.131</u>	<u>542.860.256.236</u>
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	69.835.386.699	-	30.404.972.177	1.560.759.181	105.826.900.530	74.002.932	583.699.121.519
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	25.219.311.157	3.917.231	25.223.228.388
Số dư cuối kỳ này	<u>375.997.100.000</u>	<u>69.835.386.699</u>	<u>-</u>	<u>30.404.972.177</u>	<u>1.560.759.181</u>	<u>131.046.211.687</u>	<u>77.920.163</u>	<u>608.922.349.907</u>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông của Công ty ngày 08 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm để chi trả cổ tức là 15%, và ngày 22 tháng 06 năm 2017 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017 Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Lê Minh Hải	7,60%	28.575.000.000	7,60%	28.575.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
Các cổ đông khác	86,12%	323.797.110.000	86,12%	323.797.110.000
	100%	375.997.100.000	100%	375.997.100.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(36.003.310.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	(36.003.310.000)

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.404.972.177	30.404.972.177
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.560.759.181	1.560.759.181
	31.965.731.358	31.965.731.358

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá	1.337.099.220.487	946.083.166.647
Doanh thu bán thành phẩm	1.635.285.385.200	1.266.169.335.474
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.893.878.439	3.828.857.844
	2.977.278.484.126	2.216.081.359.965

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	14.430.234.276	13.306.362.201
Hàng bán bị trả lại	670.772.987	318.246.586
Giảm giá hàng bán	244.951.634	71.177.273
	15.345.958.897	13.695.786.060

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.534.673.873.404	1.130.623.604.960
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.333.048.281.817	937.475.021.605
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.287.786.265	3.426.753.307
	2.870.009.941.486	2.071.525.379.872

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.261.950.327	7.018.417.085
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	75.794.647	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	322.813	-
	5.348.067.787	7.018.417.085

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	24.131.756.076	14.185.283.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.866.244	4.591.227
	24.145.622.320	14.189.874.401

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.148.103.780	439.675.161
Chi phí nhân công	6.009.921.188	8.196.381.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	839.351.487	1.175.586.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.940.603.763	41.337.577.444
Chi phí khác bằng tiền	2.259.103.485	1.139.799.588
	30.197.083.703	52.289.020.694

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.477.196.180	636.758.648
Chi phí nhân công	8.376.641.945	9.474.501.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.369.682.556	2.401.244.784
Thuế, phí, lệ phí	879.977.888	485.867.998
Hoàn nhập dự phòng	(240.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.578.354.505	879.412.605
Chi phí khác bằng tiền	1.249.005.119	882.341.733
	14.690.858.193	14.760.127.632

28 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	18.181.818	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	22.000.000
Thu nhập khác	158.222.431	349.778
	176.404.249	22.349.778

29 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	855.316.708
Các khoản bị phạt	-	238.548.021
Khấu hao TSCĐ vượt quy định	252.109.998	504.219.996
Chi phí khác	102.929	80.040
	252.212.927	1.598.164.765

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập tính thuế TNDN	30.058.937.320	59.449.918.195
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	5.632.255.727	9.922.075.901
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(796.546.796)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.835.708.931</u>	<u>9.922.075.901</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	5.732.357.665	4.144.337.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(7.812.357.665)	(9.206.337.139)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<u>2.755.708.931</u>	<u>4.860.075.901</u>

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế	25.219.311.157	49.521.245.713
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	25.219.311.157	49.521.245.713
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	37.599.710	37.599.710
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>671</u>	<u>1.317</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.533.661.954.217	1.076.303.255.963
Chi phí nhân công	30.681.132.055	33.847.819.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.821.164.067	32.492.785.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.022.609.487	58.815.360.723
Chi phí khác bằng tiền	21.208.047.770	26.928.345.597
	<u>2.649.394.907.596</u>	<u>1.228.387.566.919</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.864.041.391	-	-	47.864.041.391
Phải thu khách hàng, phải thu khác	697.342.748.459	-	-	697.342.748.459
Các khoản cho vay	-	104.000.000.000	-	104.000.000.000
	745.206.789.850	104.000.000.000	-	849.206.789.850
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.152.904.699	-	-	11.152.904.699
Phải thu khách hàng, phải thu khác	548.766.978.844	-	-	548.766.978.844
Các khoản cho vay	-	104.000.000.000	-	104.000.000.000
	559.919.883.543	104.000.000.000	-	663.919.883.543

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	572.288.381.310	8.979.903.850	-	581.268.285.160
Phải trả người bán, phải trả khác	381.586.215.938	21.211.488.700	-	402.797.704.638
Chi phí phải trả	10.215.744.621	-	-	10.215.744.621
	964.090.341.869	30.191.392.550	-	994.281.734.419
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	523.785.935.258	9.379.903.850	-	533.165.839.108
Phải trả người bán, phải trả khác	343.256.351.187	20.613.910.700	-	363.870.261.887
Chi phí phải trả	3.724.169.303	-	-	3.724.169.303
	870.766.455.748	29.993.814.550	-	900.760.270.298

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất ống thép, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		8.502.379.814	2.565.364.252
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	6.929.532.391	1.402.025.673
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.572.847.423	1.163.338.579
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		959.843.782	181.467.034
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	63.330.000	94.995.000
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	896.513.782	86.472.034



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

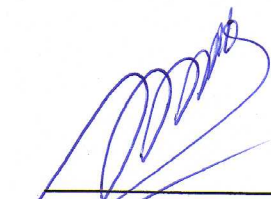
	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		2.268.276.723	2.775.606.572
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	2.268.276.723	2.775.606.572
Cho vay dài hạn		104.000.000.000	104.000.000.000
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	104.000.000.000	104.000.000.000
Phải thu lãi cho vay		866.666.667	1.026.111.111
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	866.666.667	1.026.111.111
Phải trả người bán ngắn hạn		99.268.903	4.939.587.344
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	99.268.903	4.939.587.344
Phải trả khác		19.074.578.000	18.468.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	19.074.578.000	18.468.000.000


(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	778.350.000	396.000.000

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 07 năm 2017